

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
**KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ**



**MÔN TIỀN TRÌNH VĂN HỌC**

GVHD: Th.S. Lê Ngọc Phương

**CHỦ NGHĨA LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2015

## Mục Lục

|                                                                        |    |
|------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa lãng mạn                             | 3  |
| 2. Quan điểm nghệ thuật của chủ nghĩa lãng mạn                         | 4  |
| 3. Những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa lãng mạn                       | 6  |
| 3.1. Những đặc điểm chính về nội dung của chủ nghĩa lãng mạn           | 7  |
| 3.2. Những đặc điểm về nghệ thuật của chủ nghĩa lãng mạn               | 8  |
| 4. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu                                  | 10 |
| 5. Vị trí và ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn đối với văn học Việt Nam | 21 |
| Tổng kết                                                               | 27 |
| Tài liệu tham khảo                                                     | 28 |

## 1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa lãng mạn

“Cái đẹp cứu rỗi thế giới”

Chủ nghĩa lãng mạn ra đời chính là để khai phóng tâm thức con người đến với vùng đất ảo mộng. Hiện thực trần trụi được những ngòi bút lãng mạn miêu tả trở nên thật bí ẩn hơn bao giờ hết. Tình yêu thương, sự tự do, công lý bao trùm lên phong nền bức tranh xã hội hiện thực.

Sự thắng lợi của cách mạng tư sản Pháp 1789 và sự tan vỡ của triều đại Napoléon cũng là một tiền đề cho sự ra đời của văn học lãng mạn Pháp. Nó nhằm xoa dịu nỗi bất an của giới quý tộc cũ trước mối lo bị xâm phạm quyền lợi ở một giai đoạn xã hội mới cũng như sự hụt hẫng của các tầng lớp tham gia cách mạng vì kết quả không như họ mong đợi. Cả hai tầng lớp đều bất mãn với xã hội theo những lý do và cách thức khác nhau, nhưng chung quy lại, nhìn một cách đơn giản thì đó là vì lợi ích. Chủ nghĩa lãng mạn là một trào lưu sáng tác văn học có sự tương quan với trào lưu văn học hiện thực. Chủ nghĩa hiện thực nảy sinh như sự thừa kế đồng thời như sự đối lập với chủ nghĩa lãng mạn. Nếu chủ nghĩa hiện thực dựa vào cảm nhận khách quan, và hiện thực cuộc sống để sáng tác thì chủ nghĩa lãng mạn sẽ thông qua cảm nhận chủ quan của chính tác giả mà thể hiện thành tâm tư, tình cảm qua lời văn.

Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng (Saint Simone và Owen), chủ nghĩa lãng mạn mang cả 2 mặt tích cực và tiêu cực

Tiêu cực khi các nhà văn thuộc tầng lớp quý tộc cũ, hướng đưa con tinh thần của mình về thời hoàng kim của chế độ phong kiến, hướng tới cuộc sống êm đẹp của thời xưa cũ – thời trung cổ, dưới đức tin vững chắc vào thiên chúa giáo. Một vài nhà văn tiêu biểu cho điều này như Lamartine, Chateaubriand, A.Vigny...

Tích cực khi các nhà văn lạc quan, tin tưởng vào hiện tại và tương lai. Lời văn của họ sẽ là động lực khiến quần chúng vững bước sống cho một xã hội tốt đẹp hơn, nơi mọi con người được bình đẳng với nhau, không còn kẻ áp bức và kẻ bị áp bức. Nhà văn nhìn vào chiều hướng của sự phát triển thực tại nhưng lại đi trước sự phát triển của thực tại đó.

## 2. Quan điểm nghệ thuật của chủ nghĩa lãng mạn:

Mở đầu lý thuyết lãng mạn thế giới, Kant – nhà mỹ học Đức cuối thế kỷ XVIII đã tuyên bố : “Vẻ đẹp không ở đôi má hồng của thiếu nữ, mà trong con mắt của kẻ si tình”. Victor Hugo trong lời tựa của vở kịch đầu tay Hernani công khai cho rằng : “Nghệ thuật không đi giày đỏ, đội mũ đỏ”, nghĩa là nghệ thuật chỉ đi tìm tự do cho nghệ thuật, nghệ thuật không liên quan đến chính trị.

Chủ nghĩa lãng mạn trong văn học như một ngòi nổ thực sự cho thế giới quan con người, giúp họ bứt phá để đi tìm kiếm “chân trời chờ đợi” thỏa mãn những khát khao trong tiềm thức .

Có thể nhận thấy, trào lưu lãng mạn đã làm một cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để: phá bỏ văn phong khuôn mẫu của chủ nghĩa cổ điển và nâng tính trữ tình lên mức độ cao nhất của nó và đối lập với văn phong nặng nề lý trí của các chủ nghĩa cổ điển và khai sáng. Nếu mỹ học cổ điển đặt ra tính khuôn khổ thì mỹ học lãng mạn là mỹ học tự do, phóng túng. Trong mỹ học cổ điển, yếu tố cá nhân ít có cơ hội thể hiện, nó nhấn mạnh vào tính chất giáo huấn, giáo hóa con người. Đến lãng mạn, chuyển sang đề cập đến cá nhân, sự thăng hoa của “cái tôi”, dựa trên trí tưởng tượng phóng khoáng và cái nhìn chủ quan về cuộc sống và con người của nghệ sĩ.

Chịu ảnh hưởng trực tiếp của chủ nghĩa lãng mạn phương Tây, Hoài Thanh cho rằng: “Nghệ thuật vị nghệ thuật”. Thi sĩ gác ra ngoài tất cả, chỉ cần một “mối tình si”. Nghĩa là chỉ tôn vinh và phổ biến cái đẹp mà thôi chứ không có mục đích khác:

*Không chuyên tâm không chủ nghĩa, nhưng cần chi*

*Tôi chỉ là một khách tình si*

*Ham vẻ đẹp muôn hình muôn thể.*

(Thế Lữ)

Văn học lãng mạn như là một sự phản ứng lại tình trạng bất duy lý của hiện thực trong đôi mắt của các nhà văn. Nhưng họ cũng thể hiện trọn vẹn nhất tinh thần của thời đại với nhận

thức phổ quát và thế giới quan hiện đại hơn. Bên cạnh đó, mỗi tác phẩm còn là thái độ, suy tưởng và chất duy cảm của nhà văn.

Đặc trưng điển hình của khuynh hướng văn học lãng mạn đó chính là không tuân thủ bất kì qui luật nào của thực tế cuộc sống. Ta có thể bắt gặp trường hợp phi thực tế trong khuynh hướng này thể hiện trong các tác phẩm, tuy nhiên vẫn có thể chấp nhận bởi khuynh hướng lãng mạn trước hết thuộc về thế giới tư duy siêu thực bay bổng của nhà văn. Và cũng bởi nó là nghệ thuật của tưởng tượng hướng đến sự lạ lẫm thách thức cảm thức và suy ngẫm của con người. Văn học lãng mạn là hướng về mô tả giấc mơ chủ quan của người nghệ sĩ. Thế nên, người nghệ sĩ phải giàu tưởng tượng thì mới vượt qua được ranh giới nông gần của hiện thực.

Bên cạnh đó, vì lấy “cái tôi nội cảm” của mình làm thước đo cho muôn vật, nghệ thuật lãng mạn tước mất vai trò nhận thức khách quan của nghệ thuật. Họ cho rằng nghệ thuật không phải là “tấm gương” phản chiếu đường đời mà chỉ là phương tiện bộc lộ tâm trạng. Nếu chủ nghĩa cổ điển chủ trương hạn chế cảm hứng, thì chủ nghĩa lãng mạn lại suy tôn cảm hứng. Họ nhấn mạnh tính khí, chứ không chủ trương tìm mối quan hệ biện chứng giữa tính cách và hoàn cảnh. Như vậy, họ đã tự thu hẹp tính cách nhân vật vào phạm vi tâm trạng. Từ đó trữ tình không chỉ là một biện pháp, mà còn mở rộng thành chủ nghĩa trữ tình say đắm.

Chủ nghĩa lãng mạn luôn hướng về và truy tìm lí tưởng với tinh thần vượt lên trên hiện thực, dùng lí tưởng chủ quan thay thế hiện thực khách quan, dốc toàn lực để biểu hiện một viễn cảnh cuộc sống mà con người nên có. Schiller nói sáng tác của mình là “lấy lí tưởng đẹp để thay thế hiện thực thiếu thốn” (Schiller bình truyện. Nxb Nhà văn, 1955, tr55). Trên một ý nghĩa nào đó, chủ nghĩa lãng mạn phù hợp hơn với bản chất của văn học, thỏa mãn hơn nhu cầu tranh đấu tự do, hướng tới hạnh phúc, truy tìm lí tưởng của con người.

Vì hướng tới biểu hiện hiện thực xã hội lí tưởng nên hình tượng nhân vật của chủ nghĩa lãng mạn cũng là hình tượng nhân vật lí tưởng. Ví dụ như Quasimodo lương thiện, cao thượng dưới ngòi bút của V.Hugo, Jean Valjean vì lương tâm, nhân tính mà bao lần không quản hiểm nguy cứu người, bao lần sáng tạo nên kì tích biến nguy thành an,... Nhân vật của chủ nghĩa lãng mạn và những điều nó nói là một điển phạm nhưng không như là một điển hình, nó hướng tới việc thức dậy sự tán thành, hứng thú của độc giả chứ không phải là đưa ra đối tượng cần mô phỏng.

Cảm xúc lãng mạn còn là cảm xúc với thiên nhiên. Hay nói cách khác, đề cao thiên nhiên, ca ngợi thiên nhiên cũng là một trong những đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn. Các nhà

văn lãng mạn say mê với thiên nhiên, cho rằng thiên nhiên chính là nơi biểu hiện cho sự đẹp đẽ, hoang sơ của cảm xúc con người. Thiên nhiên trong nghệ thuật lãng mạn thường mang tính chất biểu trưng. Đô thị hiện đại chính là sự tồn tại của cái ác. Thế nên, họ cho rằng, thiên nhiên là nơi duy trì phẩm tính lương thiện của con người. Quay về với thiên nhiên là cách họ biểu hiện thái độ quay lưng với cuộc đời, như một phương thức giải thoát thư giãn, phản ứng với hiện thực xã hội ngột ngạt bon chen. Vì thế, hàng loạt những hình ảnh của tự nhiên như: núi cao hùng vĩ, biển rộng mênh mông, phong cảnh điền viên thuần phác, yên tĩnh, tình điệu riêng biệt ở đất khách quê người,... tất cả đều xuất hiện dưới ngòi bút của nhà văn lãng mạn chủ nghĩa.

Nhìn chung, về nghệ thuật, văn học lãng mạn như là sự phản ứng lại tính công thức, khuôn phép, nặng về lý trí của các thời đại văn học trước để hướng về thể hiện đời sống tâm hồn cá nhân, thể hiện tình yêu con người, yêu thiên nhiên, đậm tính chất trữ tình.

### **3. Những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa lãng mạn:**

Cuối thế kỷ XVIII, tình hình chính trị, xã hội của các nước phương Tây có nhiều biến động. Do vậy các lĩnh vực khác cũng có nhiều chuyển biến phức tạp, mà cụ thể lĩnh vực văn chương cũng phát triển sôi nổi. Các trào lưu văn học mới cũng được hình thành và có những bước tiến quan trọng trong nền văn học chung của thế giới đã góp phần tạo nên tiền đề vững chắc cho sự hình thành chủ nghĩa lãng mạn ở phương Tây.

Nếu chủ nghĩa cổ điển thế kỷ XVII hoàn toàn là một “ đặc sản Pháp”, thì chủ nghĩa lãng mạn là một trào lưu mang tính chất toàn châu Âu. Như trong nền văn học lãng mạn Pháp có những cội nguồn riêng từ dân tộc, một số nhà văn đã truyền cảm hứng thi ca lãng mạn trong đó có Victor Hugo “một nhân vật trung tâm của chủ nghĩa lãng mạn tiến bộ ở Pháp”, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng nhất định của thị hiếu âm u trong những bi ca của lãng mạn Anh trong thơ ca của Gray. Hervey, Young đặc biệt là ảnh hưởng rộng rãi của Byron. Ngoài ra, văn học lãng mạn Đức cũng có nhiều ảnh hưởng sâu sắc, đặc biệt là thơ và tiểu thuyết của Goethe như “Nỗi đau của chàng Werther” được thanh niên Pháp yêu mến một thời. Hay trong nền văn học Nga ta có thể thấy rõ những ảnh hưởng trong những sáng tác của A. Puskin, M. Lermontov. Dù chủ nghĩa lãng mạn ở mỗi quốc gia có những màu sắc riêng nhưng nhìn chung nó vẫn phát triển theo xu hướng chung của nền văn học lãng mạn châu Âu.

#### **3.1. Những đặc điểm chính về nội dung của chủ nghĩa lãng mạn**

Cái tôi cá nhân với những lý tưởng thẩm mỹ rất riêng chính là một trong những đặc điểm nổi bật nhất góp phần phân biệt rạch ròi giữa chủ nghĩa lãng mạn với các khuynh hướng văn học khác, mà tiêu biểu là chủ nghĩa cổ điển.

### *3.1.1. Đề cao mộng tưởng*

Chủ nghĩa lãng mạn là sự phản ứng chống lại xã hội đương thời, con người muốn thoát ly thực tế tìm đến một thế giới khác giúp con người quên đi cuộc sống mà họ cảm thấy chán ghét, tù túng, ngột ngạt, từ đó vẽ ra một cuộc sống làm thỏa mãn cái tôi bị tổn thương của họ. Chính vì vậy thế giới trong chủ nghĩa lãng mạn là thế giới của sự huyền ảo, mơ mộng, tưởng chừng như viển vông không có thực. Trong trường hợp này thì cái yếu tố mộng tưởng ở đây sẽ có hai xu hướng: thứ nhất là mộng tưởng tích cực sẽ hướng con người tới những điều tốt đẹp, giúp họ thoát ly khỏi những khổ đau, bất hạnh, nung nấu những ước mơ và hoài bão cao đẹp, tiếp thêm sức mạnh niềm tin vào cuộc sống, vẽ nên một xã hội lý tưởng, tươi đẹp. Còn đối với xu hướng mộng tưởng tiêu cực sẽ hướng con người rơi vào sự bi quan trốn chạy cuộc đời, mất niềm tin vào cuộc sống họ thường tìm về quá khứ, thu mình vào cái tôi bí ẩn, thiên định về cuộc đời, về ái tình và cái chết. Thậm chí chán ghét mọi thứ và nghĩ rằng tất cả đều quay lưng và chống đối lại mình. Đôi khi còn dẫn đến tình trạng bế tắc trong tư tưởng, mất định hướng đối với hiện tại và tương lai. Do vậy, tính chất lãng mạn cũng là tính chất thường trực của văn học. Một khi con người không chỉ sống vì những cái vốn có mà còn phấn đấu cho những cái cần có, không chỉ sống cho thực tại mà còn vươn tới tương lai cao xa.

### *3.1.2. Đề cao tình cảm*

Chủ nghĩa lãng mạn còn gọi là chủ nghĩa tình cảm, vì ở đây tình cảm của con người được biểu hiện rõ rệt nhất. Văn học lãng mạn là sự trở về với tình cảm và tự nhiên: tình yêu, hôn nhân, sự hòa quyện với thiên nhiên,... Thế giới nội tâm với nhiều trạng thái khác nhau chính là đối tượng mới của sáng tạo văn học đối với chủ nghĩa lãng mạn. Trong chủ nghĩa lãng mạn tình yêu của con người được khai thác ở mọi phương diện, thiên nhiên được phản ánh một cách sinh động, trở thành nơi phản ánh nội tâm và nuôi dưỡng tình cảm của con người. Nhân vật lãng mạn là người thực hiện các suy tưởng cùng phản kháng và thái độ lãng mạn, thường giống nhau: nặng chất suy tưởng, thiên về đời sống tình cảm, cô đơn và u sầu, xa cách và nổi loạn. Đôi lúc không thỏa hiệp được với thực tại cuộc đời, thường có kết thúc mang tính bi kịch, dù họ là nhân vật lãng mạn tiêu cực hay tích cực. Tuy có một số nhà văn lãng mạn thường đưa vào thơ ca những nỗi u sầu, xao xuyến và kể cả những trạng thái xuất thần. Đồng thời cũng có một số nhà văn đã không gắn bó mãi với tâm tình riêng tư mà tự mang lấy sứ mệnh xã hội, hình thành trong thơ ca cảm hứng về thế kỷ của mình. Đó là những nhà văn lãng mạn tích cực như Hugo đã quan niệm rằng: nhà

thơ “phải đưa nhân dân đến một tương lai chiến thắng”. Trong giai đoạn chủ nghĩa lãng mạn phát triển rực rỡ thì nội dung tư tưởng được các nhà văn, nhà thơ gửi gắm vào trong những sáng tác của mình đều mang nội dung có tinh thần lý tưởng như nhà thơ Victor Hugo đã từng có quan điểm rằng: “*linh hồn của con người vẫn cần lý tưởng hơn thực tế. Chúng ta tồn tại nhờ thực tế, nhưng chúng ta sống vì lý tưởng*”.

### 3.1.3. Đề cao tinh thần tự do

Chính vì sự đề cao mộng tưởng và tình cảm nên con người muốn hướng tới một cuộc sống tự do thoát khỏi mọi rào cản. Trong chủ nghĩa lãng mạn, người nghệ sĩ được trả lại tất cả mọi quyền tự do để thỏa mãn sức sáng tạo và tưởng tượng. Đề cao cá nhân, tự do sáng tạo, chủ trương phóng túng không để tâm hồn bị ràng buộc trong khuôn khổ cũ. Chính vì thế trong những tác phẩm của họ luôn hướng đến cái khoáng đạt phi thường, vì chủ nghĩa lãng mạn không chấp nhận những quy định nghiêm ngặt, gò bó nên nó đã tự cho phép mình đạt đến sự tự do tuyệt đối. Chủ nghĩa lãng mạn đòi hỏi chủ nghĩa cá nhân triệt để, nhờ thế từ lúc bắt đầu tới khi hoàn thành tác phẩm người làm văn học nghệ thuật có những say sưa, thích thú tâm hồn với lửa đam mê bay bổng nảy sinh ra từ và ý tinh tế và độc đáo tạo nên những tác phẩm có giá trị với thời gian.

## 3.2. Những đặc điểm về nghệ thuật của chủ nghĩa lãng mạn

Nghệ thuật trong chủ nghĩa lãng mạn thiên về tính trữ tình, yêu thiên nhiên như một phương thức giải thoát, thư giãn, phản ánh với hiện thực xã hội ngọt ngào, bon chen. Văn học lãng mạn chú ý đến mọi đối tượng trong đời sống, ngoài ra văn học lãng mạn thường tràn ngập tính nhân đạo trong các tác phẩm.

### 3.2.1. Đề tài

Nếu trong chủ nghĩa cổ điển đề tài là cảnh sống giàu có, hành động đấu tranh cho lý tưởng cao cả của những ông hoàng bà chúa, tầng lớp trung thượng lưu, mà ít đề cập đến những khía cạnh đời sống của những tầng lớp dưới. Thì ở chủ nghĩa lãng mạn mọi vấn đề của cuộc sống, mọi tầng lớp trong xã hội đều ngang bằng nhau trở thành đề tài cho văn học nghệ thuật. Những đề tài trong chủ nghĩa lãng mạn không phân biệt cao cả hay thấp hèn, đẹp hay xấu mà viết ra hết bằng sự cảm nhận của các giác quan cũng như rung động của con tim.

### 3.2.2. Nhân vật

Mọi nhân vật trong các tác phẩm của chủ nghĩa lãng mạn đều không phân biệt giai cấp, tầng lớp, tất cả họ đều có quyền bước chân vào văn học. Nghệ thuật xây dựng nhân vật chưa chú ý xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình, nó là cá nhân dị biệt, ngẫu nhiên, bất chấp sự vận động của hoàn cảnh khách quan. Với chủ trương thoát ly cuộc sống thực tế bằng nhiều con đường để tìm đến cõi mộng, vứt bỏ mọi quy ước cứng nhắc để giải phóng cho văn học. Mục tiêu của nó là thế giới văn học lãng mạn miêu tả ít nhiều xa lạ với cuộc sống thực tế, nhân vật mà văn học lãng mạn xây dựng tỏ ra không vừa vặn với những chuẩn mực thông thường và nghệ thuật mà văn học lãng mạn sử dụng trở nên hết sức phóng túng. Chủ nghĩa lãng mạn đã tìm được chỗ đứng của mình và dần dần chấm dứt vai trò lịch sử của chủ nghĩa cổ điển do đã trả lại cho con người thế giới tình cảm phong phú, đấu tranh cho tiếng nói cá nhân với những khát vọng về tình yêu và hạnh phúc, đồng thời tạo nên những cách tân táo bạo về nghệ thuật.

### *3.2.3. Thể loại*

Chủ nghĩa lãng mạn về thể loại ngày càng phong phú và đa dạng hơn nhưng thể loại được phổ biến nhiều hơn cả là thơ trữ tình và tiểu thuyết. Thể thơ viết theo thể tự do, không ràng buộc quy luật hay bất cứ quy tắc nào. Chủ nghĩa lãng mạn chủ trương xây dựng một sự tự do tuyệt đối trong nghệ thuật.

### *3.2.4. Ngôn ngữ*

Các nguyên tắc về khuôn mẫu và cấu trúc đã có từ trước của thi ca bị loại trừ để thỏa mãn nhu cầu cần thiết của bản năng tự nhiên. Ngôn ngữ được viết tự do, tự nhiên không bị gò bó trong thể luật. Đối với thơ ca thì ngôn ngữ thơ mang đậm dấu ấn của trữ thể trữ tình tràn đầy cảm xúc coi trọng nhạc tính, biểu hiện trực tiếp các suy tư và trạng thái cảm xúc của nhà thơ trước các hiện trạng của cuộc sống. Ngôn ngữ có tính chất cá thể hóa và có thái độ chủ quan và tính hình tượng.

## 4. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu

### 4.1. Một số tác giả, tác phẩm nước ngoài

Chủ nghĩa lãng mạn vừa chỉ trào lưu văn học, vừa chỉ phương pháp sáng tác của chính trào lưu ấy. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của trào lưu này có thể kể đến như:

- *Chateaubriand (1768-1848)*: Người đã thể hiện những đề tài đặc thù của chủ nghĩa lãng mạn như tôn giáo, tình yêu, sự cô đơn của cái tôi cá nhân trong nhiều tác phẩm như *Atala*, *René*, *Những kẻ tuân đạo*(*Les Martyrs*)...
- *Lamartine (1790- 1869)*: Nhà thơ lãng mạn nổi tiếng đầu thế kỷ XIX với tập thơ *Trầm tư*, *Những hòa điệu*, biểu tượng của thơ lãng mạn ở cảm hứng tình yêu, cái tôi, sự cô đơn, hư vô, cái chết. Lamartine nổi tiếng về sự hài hòa phong phú, duyên dáng trong hình ảnh và nhạc điệu thơ.
- *Alfred de Musset (1810-1857)*: Nhà thơ, nhà viết kịch và viết văn xuôi lãng mạn, nổi tiếng với *Chùm thơ đêm*, *Tâm sự đứa con thời đại*, *Lorrenzaccio*. Tác phẩm của ông nhấn mạnh tính nội tâm trong thơ, nỗi đau trong tâm tình lãng mạn, nỗi cô đơn trong khát vọng lãng mạn muốn nổi loạn chống lại những cái ác trong cuộc đời, vươn đến cái đẹp và sự hoàn thiện. Ông là bước nối ban đầu từ khuynh hướng lãng mạn tiêu cực sang khuynh hướng lãng mạn tích cực.
- *Mérimée (1803-1870)*: Tác giả của nhiều truyện ngắn có nghệ thuật văn xuôi trong sáng, điêu luyện, đậm đà phong vị exotique phối hợp với màu sắc lịch sử. Tác phẩm tiêu biểu : *Colomba*, *Carmen*.
- *Alexandre Dumas cha (1802-1870)*: Nổi tiếng với những tiểu thuyết lãng mạn có màu sắc lịch sử, hay nói cách khác, là những tiểu thuyết đã sử dụng hư cấu thêm thắt và thi vị hóa, thêm kịch tính gây hấp dẫn. Tác phẩm tiêu biểu là *Ba chàng ngự lâm* (*Les trois mousquetaires*).
- *Georges Sand (1804-1876)*: Nữ văn sĩ, tác giả của nhiều tiểu thuyết lãng mạn mang tính luận đề về vấn đề phụ nữ, đặc biệt là bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trong tình yêu, trong hôn nhân. Đây là nhà văn lãng mạn tích cực đã hướng tình yêu lãng mạn đến những khát vọng trong sáng, lành mạnh, hướng về hạnh phúc chân chính của con người. Tác phẩm tiêu biểu như *Cô bé Phadette*, *Horace*, *Indiana*, *Cái đầm ma*..
- *Victor Hugo (1802-1885)*: Nhà lý luận, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà tiểu thuyết nổi tiếng của chủ nghĩa lãng mạn. Trong các thập niên đầu của chủ nghĩa lãng mạn, ông là chủ soái đã đưa trào lưu lãng mạn lên đến chỗ toàn thắng chủ nghĩa cổ điển, chiếm lĩnh vị trí thống trị trên văn đàn Pháp. Hugo là một tác gia có tầm cỡ thế kỷ, người đã phối hợp sâu

sắc chủ nghĩa nhân đạo với nghệ thuật lãng mạn, đã xây dựng được riêng cho mình một hệ thống thi pháp thơ, thi pháp tiểu thuyết độc đáo. Tác phẩm tiêu biểu : Nhà thờ Đức bà Paris (Notre Dame de Paris), Những người khốn khổ (Les Misérables), Năm 93(Quatre Vingt treize), Đoàn thi và Ballade, Về phương Đông, Tiếng hát buổi hoàng hôn...

Các tác phẩm của V.Hugo là tấm gương phản chiếu cách mạng Pháp tiêu biểu cho ý chí tự do, lòng tha thiết yêu hòa bình, lòng tin tưởng cao cả vào con người lao động. Là lãnh tụ của phái lãng mạn, ông luôn trung thành với những tư tưởng lãng mạn tích cực, chống đối lại xu hướng lãng mạn tiêu cực, thoát ly. Ông chế giễu bọn nhà văn hô hào nghệ thuật thuần túy và đòi cho được nghệ thuật phải phục vụ chân lý, phản ánh thực tế thông qua việc đời sống tâm hồn cá nhân, đậm tính chất trữ tình. Hugo đề ra nhiệm vụ của nghệ thuật là phải phục vụ lợi ích của nhân dân, sức mạnh của văn chương là ở mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân. quý tộc, bọn tư sản thống trị của thời đại.

Những người khốn khổ và Nhà thờ Đức Bà Paris là hai bộ tiểu thuyết thành công vang dội của đại văn hào Victor Hugo. Sự kết hợp tài tình giữa các yếu tố nghệ thuật và giao hoà tình thương cảm của tác phẩm đã đem lại ấn tượng mạnh mẽ về tấm lòng nhân đạo bao la của nhà văn. Với tư cách là một cá tính sáng tạo, ông đã đi ngược lại những lối mòn sáo trong thị hiếu độc giả. Những nét ấy đã ăn sâu trong tiểu thuyết thế kỉ 18 ở phương Tây đồng thời cũng khá phổ biến ở phương Đông. Bởi thế, vượt lên trên cả thơ ca tiểu thuyết của Hugo đặc biệt là Nhà thờ Đức bà Paris và Những người khốn khổ được bạn đọc trên toàn thế giới yêu thích, là những tác phẩm điển hình, đại diện xuất sắc cho thi pháp chủ nghĩa lãng mạn.

Bằng thiên tài nghệ thuật, đặc biệt với một tấm lòng trân trọng con người, Victor Hugo đã khiến Nhà Thờ Đức Bà Paris có được sức quyến rũ mãnh liệt đối với người đọc, mở ra trong cõi lòng họ những sự bừng thức mới, giàu ý nghĩa nhân sinh, và ở tận cùng của chiều sâu tư tưởng, người đọc còn bắt gặp, lắng nghe được tiếng kêu tha thiết về thân phận con người, về sự đấu tranh không ngừng và cả nỗi đau tột cùng của con người trước số phận. Sự đan chéo những yếu tố bi-hài, cái đẹp-cái dị dạng cũng là một nét độc đáo. Kết thúc của thiên tình sử vừa bi đát, vừa hài hước, bên cạnh đám cưới của Foebus đại úy quý tộc là “đám cưới” của Quazimodo và Esmeranda, họ chỉ có thể gặp nhau dưới năm mồ. Mỗi nhân vật là một sự hài hước bi đát. Quazimodo cũng là đom đóm yêu một vì tinh tú, sự thiếu hài hoà của anh khiến những con người trần thế hầu như chẳng thể chấp nhận được. Lão linh mục Fraulot là sự bất hoà giữa khổ hạnh và thèm khát. Foebus gã sĩ quan quý tộc là sự đối lập giữa vẻ đẹp bên ngoài và sự xấu xa, trống rỗng bên trong. Một loạt các nhân vật bị quay cuồng trước một xã hội đã man với những trò đùa độc ác của con người và tạo hóa. Nhưng qua đó, bản chất của mỗi người lại được thể hiện, rũ bỏ lớp áo

choàng danh vọng, địa vị, thứ cao quý còn lại mà Hugo cho độc giả thấy là tình yêu thương vượt mọi trở ngại của luân lý đời thường.

Với cái nhìn mới về cuộc sống, về văn học - nghệ thuật, Victor Hugo đã thay thế những trật tự, những khuôn phép của khuynh hướng cổ điển bằng những điều phóng túng, vô trật tự, thiếu quân bình trong cuộc sống thời đại mình. Ông thiên về bản ngã, thiên nhiên và Thượng Đế, khoác vào tâm hồn một mối sâu vụn cổ, thể hiện những dự định sáng tạo táo bạo, mới mẻ và thâm kín nhất. Cho tới nay, dù trào lưu lãng mạn đã qua, thời Trung cổ của phương Tây càng trở nên xa xôi hơn bao giờ hết đối với độc giả nhiều nước nhưng Nhà thờ Đức bà Paris vẫn là một cuốn truyện được dịch và đọc nhiều nhất trên thế giới với tất cả vẻ ngây thơ, tươi mát và tình yêu con người tràn ngập trong đó.

Những người khốn khổ là câu chuyện về xã hội nước Pháp trong khoảng hơn 20 năm đầu thế kỷ 19 kể từ thời điểm Napoléon I lên ngôi và vài thập niên sau đó. Bộ tiểu thuyết không chỉ nói tới bản chất của cái tốt, cái xấu, của luật pháp, mà tác phẩm còn là cuốn bách khoa toàn thư đồ sộ về lịch sử, kiến trúc của Paris, nền chính trị, triết lý, luật pháp, công lý, tín ngưỡng của nước Pháp đầu thế kỷ 19 và đặt niềm tin vào tính vĩnh cửu của những giá trị tinh thần của con người. Bản thân Những người khốn khổ có rất nhiều câu chuyện, nhân vật với những cuộc đời khác nhau, nhưng sợi dây nối những mảnh đời riêng biệt này lại là câu chuyện về Jean Valjean, người cựu tù khổ sai, người đang cố gắng sống vì một xã hội tốt đẹp nhưng lại không thể thoát khỏi quá khứ của mình. “Cuốn sách này là một tấn bi kịch mà nhân vật đầu tiên là vô biên. Con người là nhân vật thứ hai”, tức là đi từ tất cả những gì lớn lao và cao cả nhất thuộc về lịch sử và nhân sinh cho đến những con người, những mảnh đời bé nhỏ, những linh hồn lạnh giá đang khát khao được sưởi ấm và cứu rỗi. Những nhân vật như Jean, Fantine, Cosette... không hề có một cái tên hay một lai lịch rõ ràng, “đừng hỏi tên họ của một kẻ đi xin chỗ trú thân”, Jean muốn có một cái tên đáng kính thì phải “ngụy trang”, cho dù cần một cái tên giả để làm việc thiện. Và cuối cùng ông thú nhận cùng Marius “Để sống, xưa kia tôi đã phải ăn cắp một cái bánh, bây giờ để sống tôi không muốn ăn cắp một cái tên, tên tôi chính là Tôi”. Quả vậy, xã hội tư sản mang lại quyền sở hữu ”cái tôi” chỉ cho những ai có sở hữu tiền bạc. Do vậy, những nhân vật khốn khổ của Hugo chưa thể gọi là những “điển hình” (tức là mang tính cá biệt), đó cũng là một đặc trưng trong chủ nghĩa lãng mạn. Song, những nhân vật trong tác phẩm vẫn có một ý nghĩa xã hội, họ là những “siêu mẫu” của tiểu thuyết hiện đại, rất gần gũi với điển hình A.Q của Lỗ Tấn, Chí Phèo của Nam Cao.

Những người khốn khổ cũng là tác phẩm ca ngợi tình yêu: Tình yêu đối với các con chiên của linh mục Myriel, tình yêu tuyệt vọng của Fantine và Éponine, tình phụ tử của Jean Valjean với Cosette. Bên cạnh đó, Những người khốn khổ cũng là một trong những tác phẩm hay nhất của văn học Pháp khi thể hiện tình yêu tổ quốc. Trong tâm trạng của một

người tị nạn, Victor Hugo đã ghi lại từ trí nhớ và trái tim mình những cảnh vật nước Pháp mà ông yêu quý, đặc biệt là những hình ảnh về Paris, phong nền chính cho cả tác phẩm. Bạo lực và ôn hoà, cách mạng và tình thương không còn là một thứ ánh sáng phân đôi, mà đan chéo, hoà quyện và giằng xé ngay trong lòng một nhân vật lí tưởng như Jean Valjean- nhân vật trung tâm thể hiện những ảo tưởng lãng mạn biến cải thế giới bằng tình thương, đã có lúc lên chiến lũy chỉ vì lo hạnh phúc riêng tư của con gái Cosette, nhưng nhà văn vẫn dẫn con người lí tưởng của mình tới chiến lũy của những người Cộng hoà chứ không phải của quân chính phủ. Những con người bị vùi dập hiện ra trong tác phẩm với những vẻ đẹp cao cả. Những rung động đầy chất thơ và sự suy tưởng khát vọng xoá bỏ nỗi đau khổ của loài người. Nhà văn tin rằng lòng thương yêu tuyệt đối có khả năng tiêu diệt cái ác và mang lại hạnh phúc cho những người khốn khổ.

Tóm lại, đặc trưng thi pháp, tư tưởng của chủ nghĩa lãng mạn đã được thể hiện rõ nét qua tiểu thuyết Những người khốn khổ và Nhà thờ Đức Bà Paris. Từ đề tài, thể loại, nhân vật, ngôn ngữ nói riêng đến nội dung và nghệ thuật nói chung đều đã đem lại một cách nhìn mới, cách thể hiện mới trong văn học đương thời, là những đại diện xuất sắc cho chủ nghĩa lãng mạn- một mốc xích quan trọng trong tiến trình văn học.

Một tác giả điển hình khác của chủ nghĩa lãng mạn là A.Pushkin (1799-1837) được mệnh danh là mặt trời thi ca Nga, *“là khởi đầu của mọi sự khởi đầu”* (M.Gorki). Ông được gọi là nhà thơ nhân dân, là ông hoàng thơ tình thế giới. Các sáng tác của Pushkin thể hiện mãnh liệt cái tôi trữ tình, quan tâm đến những cái mạnh mẽ, cao thượng, nhìn và cảm cuộc sống qua lăng kính của trái tim.

Trong sự phát triển của văn học Nga, Pushkin đóng một vai trò thực sự quan trọng. Thời kỳ 1815-1825, văn học Nga có sự kiện nổi bật về văn học đó là sự xuất hiện bản trường ca Ruxlan và Liutmila (1820) và một số trường ca phương Nam khác của Pushkin như: Người tù Kapkaz, Lệ đài Bakhchixarai, Anh em kẻ cướp,... Những sáng tác của Pushkin thời kỳ này không những đánh dấu sự toàn thắng của chủ nghĩa lãng mạn trước chủ nghĩa tình cảm và chủ nghĩa cổ điển nói chung, mà còn đánh dấu sự thắng lợi của dòng văn học lãng mạn tích cực trước dòng văn học lãng mạn tiêu cực.

Trong các trường ca lãng mạn, cảm hứng chủ đạo của Pushkin là ngợi ca chính nghĩa, tình yêu thủy chung, đề cao ý thức và tự do cá nhân, phản ánh sự bất mãn không thỏa hiệp của tầng lớp thanh niên tiến bộ đương thời đối với trật tự xã hội với đầy rẫy những xấu xa, bất công hiện hành. Do đó, Pushkin trở thành đại diện cho khuynh hướng văn học lãng mạn cách mạng. Sự nghiệp sáng tác của ông gắn liền với toàn bộ nền văn học Nga, góp phần đưa văn học Nga lên đến đỉnh cao của sự phát triển.

Trường ca Ruslan và Ludmila được xem là tác phẩm khởi đầu cho vinh quang của Pushkin. Zhukovsky đã tặng Pushkin tấm chân dung nhân sự kiện tác phẩm ra đời với lời đề tặng: “Người thầy chiến bại tặng người học trò chiến thắng”. Với tác phẩm này đã phá vỡ những nguyên tắc của chủ nghĩa cổ điển (“là cơn bão tố đối với giới trẻ và sự báng bổ đối với giới già”), kết hợp trữ tình lãng mạn với hài hước và mở đầu cuộc tìm tòi nghiêm túc nhất trong nghệ thuật của Pushkin: sự tìm về với dân tộc và nhân dân. Nhân vật chính trong bản trường ca là tráng sĩ Ruslan và công chúa Ludmila. Trong đêm tân hôn của Ruslan và Ludmila, quỷ lùn Chernomor đến bắt cóc Ludmila. Ruslan lên đường đi tìm người yêu, cuối cùng sau bao gian khổ, chàng đến được lâu đài của tên quỷ lùn, cắt râu hăn (làm hăn không còn sức mạnh), cứu được công chúa Ludmila. Bản trường ca vang lên như những giai điệu ca ngợi sức mạnh của tình yêu, sự công bằng, lòng dũng cảm sẽ chiến thắng tất cả sự dối trá, hèn mạt và quỷ dữ độc ác. Quá trình chiến đấu của Ruslan mang nhiều màu sắc huyền ảo, phi thường của người anh hùng chiến đấu bảo vệ tình yêu, bảo vệ chính nghĩa. Chi tiết mà Pushkin sáng tạo với thật nhiều thử thách hấp dẫn để dụng công tô đậm yếu tố mạnh mẽ, cao thượng và đề cao tính đoàn kết chiến đấu trong nhân dân để bảo vệ nhau đó là trên đường về chàng bị Farlaf đâm và cướp công sau đó nhờ sự giúp đỡ của đạo sĩ, chàng sống lại, dẹp tan giặc xâm lược, dùng thần lực giúp công chúa tỉnh dậy, hai người sống hạnh phúc bên vua cha đã cho ta thấy rằng ngoài những thanh âm trong trẻo của lòng yêu thương, của tình nghĩa, lẽ phải mà con người khao khát hướng tới trong đời thường, ta còn cảm nhận được hơi thở mãnh liệt của tính chất sử thi, của những giấc mơ lớn lao về tình yêu, về hạnh phúc và chân lý qua khí chất anh hùng, qua sự chiến đấu vượt lên trên sức mạnh con người bình thường bằng yếu tố dị thường, thần kì nhờ sự thi vị, lí tưởng hóa của bút pháp lãng mạn.

Là nhà thơ lãng mạn, Pushkin mang cuộc sống bình thường xung quanh trở thành đối tượng của thơ một cách ngọt ngào, thi vị. Cuộc sống Nga, thiên nhiên Nga, tâm hồn Nga, ngôn ngữ Nga đi vào thơ với mọi dáng vẻ, âm điệu và màu sắc. Trong thơ có hoa hồng, chim họa mi, có túp lều, đồng rạ, tấm lưới dân chài, thơm hương lúa mì, cũng có cả “lá thư tình bị đốt cháy” và những thứ rất Nga như cỗ xe tam mã, hàng cây sồi, một điệu dân ca. Pushkin mở rộng đôi cánh cửa thơ để cho những thứ mộc mạc quen thuộc hàng ngày tuôn chảy trong thơ ông. Sống cùng với dân chúng, nhà thơ nhìn cuộc sống bằng con mắt của nhân dân.

*Xuyên qua làn sương gợn sóng*

*Mảnh trăng mờ ảo chiếu qua*

*Buông dải ánh vàng lai láng  
lên cánh đồng buồn vắng xa.  
Trên đường mùa đông vắng vẻ  
Cỗ xe tam mã băng đi  
Nhạc ngựa đều đều buồn tẻ  
Đều đều khắc khoải lòng quê  
(Con đường mùa đông)*

Pushkin nghĩ và nói về tình yêu như về một nguyên lý trong sáng, đẹp đẽ, có khả năng thức tỉnh, tái tạo con người, tiếp sức sống và sức mạnh cho con người. Soi vào tình yêu ấy, con người càng thêm đẹp. Ngợi ca tình yêu cao đẹp là cách phủ định thói giả dối, kèn kiệu, vụ lợi, ích kỷ của người đời. Pushkin viết những bài thơ tình yêu rất dễ thương cho những người đang yêu. Hãy nghe một chàng trai đã yêu, vẫn còn yêu nhưng biết chia sẻ nỗi thất vọng của nàng và cầu cho nàng gặp được tình yêu xứng đáng.

*Tôi yêu em đến nay chừng có thể  
Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai  
Nhưng không để em bận lòng thêm nữa  
Hay hồn em phải gợn bóng u hoài  
Tôi yêu em âm thầm không hi vọng  
Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen  
Tôi yêu em, yêu chân thành đắm đắm  
Cầu em được người tình như tôi đã yêu em.  
(Tôi yêu em)*

Yếu tố lãng mạn chính là cảm hứng để Pushkin viết lên những vần thơ đầy chất trữ tình như thế. Bài thơ Tôi yêu em của Pushkin đã gây một niềm xúc động lớn lao vì đã vươn tới những giá trị tinh thần chung của loài người: những tình cảm chân thành, cao thượng, nhân ái của tình yêu chứa đựng trong những lời giản dị, trong sáng nhất.

Ngôn ngữ thơ giản dị, thanh thoát, không có biện pháp tu từ nào ngoài điệp ngữ “tôi yêu em”. Chất thơ của bài thơ toát ra từ những xúc cảm chân thành, ghìm nén, từ những lời nói giản dị nhưng đầy thiết tha, tế nhị và mãnh liệt. Những vần thơ này đã một lần nữa thể hiện tiếng nói chân thành, tha thiết của tinh thần cá nhân, những màu sắc của chất thi vị, trữ tình trong chủ nghĩa lãng mạn, ca ngợi những gì đẹp đẽ và cao thượng nhất, những nhạy cảm, trực giác của những nỗi lòng, những đau khổ, những cảm xúc tự nhiên của con người, có cả những ước vọng và giấc mơ luôn tiềm tàng, rực sáng. Với tài năng của Pushkin, ông không chỉ là mặt trời của nền thi ca Nga ở tư cách công dân mà còn là thi sĩ ca hát về tình yêu, là nghệ sĩ nuôi những giấc mơ, những hi vọng cho con người trong cuộc đời.

#### **4.2. Một số tác giả, tác phẩm tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, chủ nghĩa lãng mạn có thể được xem là một hiện tượng văn học có quá trình du nhập và phát triển khá mạnh mẽ trong văn học, nổi bật nhất là trong giai đoạn 1932 – 1945, sau khi phong trào Thơ mới ra đời. Bên cạnh các tác giả cũng gắn liền với khuynh hướng lãng mạn, phong trào Thơ mới vào giai đoạn 1932 – 1945 như Thế Lữ, Nguyễn Bính, Huy Cận, Chế Lan Viên,...

Nổi bật trong phong trào này, chúng ta có thể nói đến Xuân Diệu, một tác giả lớn ghi đậm dấu ấn sâu sắc với người yêu văn học Việt Nam. Xuân Diệu như một làn gió mới đã chạm tay đến đỉnh cao thơ ca và ông cũng được xem là nhà thơ lãng mạn tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới. Xuân Diệu đã thể hiện những nét hết sức đặc trưng riêng mình, thơ ông ghi đậm và khẳng định dấu ấn cá nhân rõ nét, tiêu biểu là hai tập Thơ thơ (sáng tác 1938) và Gửi hương cho gió (sáng tác 1945) với các tác phẩm nổi tiếng như Vội vàng, Đây mùa thu tới, Đi thuyền, Mời yêu, Phơi trải, Xuân rung, Hư vô,...

Điều đầu tiên độc giả dễ dàng nhận ra trong từng câu thơ của Xuân Diệu là sự khẳng định mạnh mẽ cái tôi cá nhân của ông, đây được xem như một nét đột phá của phong trào Thơ mới so với các sáng tác của những thời kỳ văn học trước đó. Dựa trên nền tảng chủ nghĩa lãng mạn, Xuân Diệu dần dần đưa những khát vọng, tâm tư của bản thân, đưa cái tôi của mình trở thành quan trọng, tốt đẹp và đề cao vai trò cũng như ý nghĩa của nó với sáng tác nghệ thuật, đối lập với văn thơ thời phong kiến.

Không khí lãng mạn cũng bao trùm trong thơ Xuân Diệu bằng những khung cảnh ông đến gần với thiên nhiên, hòa mình vào thế giới thiên nhiên và tạo ra không gian rất đặc trưng của mình.

Trong những sáng tác của mình, ông có những quan niệm và sự cảm nhận rất rõ ràng về thời gian, sử dụng những hình tượng mới mẻ, phóng khoáng, thể hiện cái tôi, bản lĩnh của

con người trước tự nhiên, thơ ông còn tràn ngập những cảnh sắc thơ mộng, lồng ghép vào đó hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống, niềm yêu mến, sự vội vàng để tận hưởng cuộc đời của con người. Xuân Diệu có một xúc cảm hết sức mãnh liệt trong việc khao khát muốn tận hưởng cuộc sống, mạnh dạn bày tỏ tâm tưởng, khát vọng hưởng thụ hiếm thấy trước đó trong thơ ca. Chất lãng mạn thể hiện rõ trong lòng ham sống thiết tha và hết mực cuồng nhiệt, tràn đầy sinh khí đến từ nhà thơ này. Ông rất hay “hối thúc”, “giục giã” người ta hãy mau mau tận hưởng cuộc đời, phải quý trọng từng phút giây còn tồn tại trên cõi đời này:

*”Mau với chứ, vội vàng lên với chứ*

*Em, em ơi, tình non đã già rồi*

*Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,*

*Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi”*

*(Giục giã)*

*Chóng chóng ngày thơ vụt đến xuân;*

*Mau mau ngày mạnh yếu phai dần.*

*Ngày già vội vội mang sương đến,*

*Tuổi chết đây rồi! Bóng lụi chân.*

*(Hư vô)*

Hay:

*“Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu  
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều  
Và non nước và cây và cỏ rạng  
Cho chênh choáng mùi thơm cho đã đầy ánh sáng  
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;  
Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!”*

*(Vội vàng)*

Cho ta thấy những khát khao nồng nhiệt và tươi trẻ của nhà thơ, ông không chỉ muốn riêng mình tận hưởng cuộc sống trọn vẹn, mà còn luôn kêu gọi mọi người hãy thiết tha, chú ý và sống cuộc sống hăm hở, cháy nồng những lý tưởng tốt nhất, đẹp nhất, chứ đừng lười biếng và thờ ơ, chán chường hay vô cảm.

Thơ ông cũng không thiếu những nỗi cô đơn, một trong những đặc trưng tồn tại trong các sáng tác thuộc chủ nghĩa lãng mạn, xúc cảm dạt dào, nên ông rất sợ những cảm giác lẻ loi cô độc. Những nỗi niềm, trăn trở suy nghĩ được thể hiện tự do trong từng câu chữ có vần đã tạo nên các bài thơ sâu sắc đi vào lòng người, lúc sôi nổi, muốn cống hiến và sống cuồng nhiệt hết mình, nhưng cũng có lúc Xuân Diệu lại hết mực cô đơn, cô đơn đến tột đỉnh:

*Ta buồn bã riêng tây như đứa nhỏ  
Mẹ bỏ đi, vò võ kiếm đồ chơi;  
Không ai thương nên chẳng dám hé lời,  
Biết thân phận, ghì môi không muốn khóc.  
Ngoài kia mưa bay, mây lùa, gió thốc,  
Cây rung, nước lạnh, ai kẻ song pha  
Đội một trời để tưởng tới lòng ta,  
Ai ghé đến?  
(Riêng tây)*

Ngoài ra, được mệnh danh là “Ông hoàng thơ tình yêu”, không thể không nhắc đến Xuân Diệu mà bỏ qua những tác phẩm chứa đựng xúc cảm tình yêu của ông, đối với nhà thơ này, tình yêu là một món quà đặc biệt mà tạo hóa đã ban tặng cho con người, tình yêu thật đẹp với những cảm xúc rạo rực, nồng cháy. Xuân Diệu cố gắng quýt, vội vã để tìm cách tận hưởng cuộc sống như thế nào thì ông cũng cố gắng quýt và vội vã để yêu và khao khát được yêu thương như vậy, ông cũng luôn mời gọi, tuổi trẻ hãy biết tìm kiếm một tình yêu say đắm, thật chân thành, luôn cháy bỏng, tình yêu luôn là đề tài quen thuộc được Xuân Diệu đề cập đến trong các tác phẩm của mình

*“Mở miệng vàng... và hãy nói yêu tôi...*

*Dẫu chỉ là trong một phút mà thôi... “*

*(Mời yêu)*

*Làm sao sống được mà không yêu*

*Không nhớ không thương một kẻ nào ...*

*Hãy đốt đời ta trăm thứ lửa*

*Cho bùng tia mắt độ tia sao*

*(Bài thơ tuổi nhỏ)*

Bên cạnh phong trào Thơ mới giai đoạn 1932 – 1945, tiêu biểu cho khuynh hướng lãng mạn trong văn học Việt Nam, không thể không nhắc đến các tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn. Đột phá với những kiểu nhân vật tiêu biểu của các nhà văn lãng mạn như những kẻ mơ mộng, thế giới ảo tưởng, hay kiểu nhân vật dám đứng lên phản kháng, chống đối lại lễ giáo, xã hội phong kiến cũ,... Các tác phẩm lãng mạn người đọc thường nhớ đến của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân, Đôi bạn,... đều là những tiểu thuyết sống động và lôi cuốn người đọc, các tác phẩm này luôn đứng về cái mới, đấu tranh cho cái mới và thúc đẩy con người chú tọng đến nhận thức, suy nghĩ cá nhân. Trong đó, nổi bật với các sáng tác mang đậm những yếu tố lãng mạn đó chính là Khái Hưng, với “đứa con tinh thần” nổi tiếng của ông : Hồn bướm mơ tiên.

Cuốn tiểu thuyết đề cập đến chủ đề tình yêu trong một thế giới mộng ảo, mối tình lãng mạn nhưng không bị vẩn đục mà vẫn giữ được sự thánh thiện, nhẹ nhàng. Chủ đề truyện mang nhiều khác lạ và mới mẻ so với thời kì bấy giờ, miêu tả những chủ đề phức tạp – cũng là một trong những đặc điểm của bút pháp lãng mạn. Không khí trong sáng tác này rất thơ mộng, sử dụng những biện pháp miêu tả, làm hiện ra trước mặt người đọc nhiều

phong cảnh đẹp, bầu không khí nhẹ, dễ chịu, đầm ấm gợi cảm. Trong tác phẩm cũng tồn tại nhiều ranh giới giữa thực và giả, tỉnh và mơ, những ranh giới này rất chập chờn và đôi lúc như trộn lẫn vào nhau với màu sắc Phật giáo luôn bao quanh câu chuyện. Lấy chủ đề chính là tình yêu, Khái Hưng đã sâu sắc xây dựng những tình tiết mới mẻ, mỗi tình lãng mạn nhưng cũng nhiều trắc trở, đôi khi khiến người đọc dừng lại để suy nghĩ vì những triết lí cõi Phật cũng như trong đời sống, ông thể hiện tình yêu một cách rõ ràng, ngay cả ở nơi cửa Phật thì tình yêu vẫn luôn tồn tại nhưng tình yêu nảy nở để tìm lối thoát cho lý tưởng cao đẹp, một lý tưởng mang đậm chất lãng mạn nhưng cũng không thiếu phần thanh cao, đẹp đẽ. Thế giới của truyện đẩy nhân vật sống và cảm nhận mộng ảo của ái tình, một ái tình bất diệt. Khái Hưng cũng rất chú trọng đến việc xây dựng tâm lý nhân vật một cách rất tinh tế, ông khai thác sâu và thể hiện rất rõ ràng suy nghĩ, đôi khi qua cảm nhận, mà đôi khi cũng qua hành động từ chính nhân vật. Tình yêu sống trong những tư tưởng của tôn giáo nhưng không vì thế mà sai lầm, bị vấn đục, tình yêu giữa Lan và Ngọc không chìm tồng dục vọng tầm thường. Có thể tác giả đã muốn lồng ghép vào lí tưởng thoát li của con người, qua việc xây dựng hình ảnh Lan đi tu. Có ý kiến cho rằng: “Văn học lãng mạn chủ yếu là văn học trong đó có cái bản ngã của nhân vật biểu lộ tự nhiên. Mà bản ngã của mỗi người được đánh dấu rõ nhất ở tình cảm và cảm giác của người ấy”, câu nói này quan niệm văn học lãng mạn thiên về cảm xúc và không coi trọng sự thật. Qua những chi tiết mập mờ giữa các ranh giới hư thực và mộng tưởng, ta có thể thấy, Hồn bướm mơ tiên đã thành công trong việc miêu tả và đem lại cảm xúc cho độc giả, không khí trữ tình đượm chất lãng mạn, không gây ngột ngạt, cũng không miêu tả hiện thực trần trụi, phản ánh bản chất sự việc. Những điều mà Hồn bướm mơ tiên đem lại là sự nhẹ nhàng, lý tưởng cho tình yêu thanh cao và trong sạch. Giọng điệu của truyện rất mềm mại và uyển chuyển, không khô cứng nhưng cũng đủ bình dị để không quá phức tạp hay cầu kỳ. Các hình ảnh tươi mới, nên thơ đầy nhịp điệu, khác biệt về chủ đề so với thời kỳ văn học trước đó, xây dựng nhân vật làm trung tâm của tác phẩm, đưa ngòi bút đi sâu vào câu chuyện để khai thác những yếu tố mới mẻ nhất trong hoàn cảnh văn học và xã hội lúc bấy giờ. Các yếu tố này đã tạo nên sự thành công của tác phẩm, trên nền tảng chủ nghĩa lãng mạn, không cần đi sâu hay phản ánh chính xác hiện thực mới gọi là có sức hút, Hồn bướm mơ tiên nhẹ nhàng mà hình thành nên những xúc cảm sâu sắc trong tâm hồn của độc giả.

Chủ nghĩa lãng mạn đem lại những sự cách tân văn học, được chuẩn bị từ lâu do sự tiến hóa tư tưởng và cuộc tuần hành liên tục và cấp tiến của các nhà trí thức hướng về một cái gì mới mẻ. Đó là những tình cảm, đam mê, đặc biệt là những đam mê của tình yêu, và cũng là những ấn tượng của trí tưởng tượng, nhất là của sâu muộn. Sâu muộn đó trong văn học gắn liền với những đam mê của tình yêu cũng như những ấn tượng đến từ những

ngoại cảnh thiên nhiên, gắn liền với sự giao tranh giữa tinh thần và thể xác, thiện và ác, ánh sáng và bóng tối, mong muốn và hiện thực... Và bằng tài năng và tấm lòng của nhà văn nhân đạo lãng mạn, tất cả những yếu tố đó đã được kết hợp và thăng hoa bằng sự tôn vinh cái đẹp, ánh sáng và lòng yêu thương tạo nên đặc trưng riêng cho chủ nghĩa lãng mạn. Đến ngày hôm nay, chúng ta có thể cảm nhận hơi hướng của cả một thời đại trong văn chương - thời đại lên ngôi của chủ nghĩa lãng mạn, nó sẽ được lưu giữ mãi trong tiến trình văn học và được đón nhận như một di sản ngàn vàng của nhân loại.

## **5. Vị trí và ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn đối với văn học Việt Nam**

### **5.1. Vị trí của chủ nghĩa lãng mạn đối với văn học Việt Nam**

Chủ nghĩa lãng mạn có một vị trí vô cùng quan trọng và gây ảnh hưởng to lớn cho văn học Việt Nam nhất là vào giai đoạn 1932- 1945. Giai đoạn này văn học phát triển rực rỡ như một đôi hai bảy dặm và chủ nghĩa lãng mạn là chủ nghĩa chủ đạo định hướng con đường văn học lúc bấy giờ. Chủ nghĩa lãng mạn ở Việt Nam, nói một cách thẳng thắn, cũng tạo ra những tác động mang tính cách mạng trên nhiều bình diện của đời sống văn hóa-xã hội đầu thế kỷ XX. Hơn cả việc mở ra “một thời đại trong thi ca” (Hoài Thanh), chủ nghĩa lãng mạn xuất hiện cùng với ý niệm về “tân thời”, “hiện đại”, dẫn đến những sự phá vỡ, những cải tạo cơ bản môi trường vật chất và không gian tinh thần của con người Việt Nam đầu thế kỷ.

Sau ngày 17/06/1930, Nguyễn Thái Học và 12 yếu nhân của Việt Nam Quốc Dân Đảng lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, Pháp đẩy mạnh việc đàn áp, khủng bố, bắt bớ, tù đày các nhà ái quốc nhằm dập tắt các cuộc khởi nghĩa từ trong trứng nước để củng cố nền đô hộ. Các phong trào tạm thời lắng xuống, các tổ chức ái quốc bị dao động mạnh buộc phải tạm ngưng các hoạt động rút vào bóng tối nhằm bảo toàn tổ chức và nhân sự. Cuộc khủng bố qui mô toàn quốc những năm 1930 đã gây một không khí hoang mang, lo sợ trong tầng lớp thanh niên và trí thức. Chỉ trong hai năm 1930 và 1931 riêng ở Bắc Kỳ, chính phủ bảo hộ Pháp đã mở 21 phiên tòa đặc biệt gọi là Hội Đồng Đề Hình xét xử tất cả 1094 vụ án chính trị, trong đó có 164 bản án tử hình, 114 khổ sai chung thân, 420 lưu đày biệt xứ. Đây là thời kỳ thoái trào của các hoạt động cách mạng chống Pháp giành độc lập cho đất nước.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 từ Pháp tràn về Đông Dương thuộc địa như một thiên tai khiến cuộc sống xã hội trở nên khó khăn. Hàng hoá rẻ mạt nhưng lại không kiếm ra tiền, các xí nghiệp kinh doanh thi nhau phá sản, sa thải nhân công. Ngân quỹ nhà nước bảo hộ thất thu không đủ khả năng tuyển dụng thêm công chức, nạn trí thức thất nghiệp là mối lo âu chung của những người được Pháp đào tạo. Trộm cướp, thuốc phiện,

bài bạc, dĩ điểm trở thành những vấn đề nan giải. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới càng tăng thêm bi quan cho bầu không khí u ám, buồn thảm vốn đang căng thẳng, ngột ngạt.

Trong khung cảnh đó những người trí thức ấp ủ tinh thần dân tộc mang tâm trạng tiêu cực muốn thoát ly khỏi những vấn đề bức xúc của cuộc tranh đấu dành độc lập. Họ có thái độ chán nản, xa lánh chính trị. Thái độ này được củng cố trên cơ sở mỗi bất hòa tuyệt vọng giữa họ và hoàn cảnh xã hội đương thời. Sự ra đời của trào lưu văn chương lãng mạn giải quyết được bế tắc, đáp ứng được nhu cầu cho giới trí thức trong bối cảnh xã hội bi quan đó. Con đường làm văn học nghệ thuật bằng chủ nghĩa lãng mạn là lối thoát trong sạch, nơi trú ẩn tinh thần tương đối an toàn có thể gửi gắm tâm sự, và cũng là phương cách bày tỏ lòng yêu nước.

Chủ nghĩa lãng mạn đề cao tự do cá nhân đã đáp ứng được khát vọng giải phóng bản ngã, khát vọng tự do yêu đương cho hạnh phúc cá nhân, cho quyền sống cá nhân. Điều này giải thích được quan điểm mỹ học nghệ thuật vị nghệ thuật của những người trong trào lưu văn chương lãng mạn thuộc giai đoạn 1932-1945 của văn học Việt Nam.

Trước đó tuy có một số tác phẩm lãng mạn được sáng tác nhưng con nhỏ lẻ, tản mạn chưa tạo được một phong trào. Trước 1931 đã xuất hiện vài bài thơ lãng mạn của Lưu Trọng Lư, Thế Lữ. Năm 1932 Tản Đà xuất bản “Khởi Tình Con”, “Linh Phượng Ký” của Đông Hồ, hai tiểu thuyết gây được sự chú ý đó là “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách và “Giọt lệ thu” của Tương Phố. Nhưng đỉnh cao vẫn là khi Tự Lực Văn Đoàn thành lập hô hào thay cũ đổi mới và đẩy lên phong trào Thơ Mới thì chủ nghĩa lãng mạn mới thực sự đạt đến đỉnh cao và ghi dấu trong nền văn học Việt Nam. Báo chí cũng góp phần thúc đẩy chủ nghĩa lãng mạn nở rộ, có thể kể đến báo Phong Hóa. Cùng lúc với Phong Hóa, phải kể đến Phụ Nữ Tân Văn là tờ báo đã góp công vào việc giúp cho phong trào thơ mới nở rộ bằng những bài thơ lãng mạn của các nhà thơ không cộng tác với nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Tất nhiên để có một trào lưu văn học thì bao giờ cũng cần có một hay nhiều người khởi xướng với sự tham gia tích cực của văn giới, và được đón nhận đông đảo của độc giả. Từ 1932 đến 1935 đã nổ ra hàng loạt các cuộc tranh luận văn học sôi nổi được tham gia của nhiều tờ báo và các nhà văn, nhà thơ: tranh luận về thơ mới thơ cũ, tranh luận về bỏ cũ theo mới, tranh luận về hôn nhân và gia đình, tranh luận về nghệ thuật phục vụ cái gì. Các cuộc tranh luận này phản ánh cuộc đấu tranh giữa lễ giáo phong kiến với tự do cá nhân, giữa khuôn sáo và tư tưởng gò bó với cảm xúc cá nhân được tự do bày tỏ. Hai tờ Phong Hóa và Ngày Nay do Nhất Linh và nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương là cơ quan ngôn luận cổ vũ mạnh mẽ cho sự thay cũ đổi mới và là nơi qui tụ văn chương của các nhà văn, nhà thơ trong trào lưu văn học lãng mạn gồm có Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Huy Cận, Thạch Lam, Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Vũ Đình Liên, Đoàn Phú Tứ.

Sự thành công của trào lưu văn chương lãng mạn cũng phải kể đến các tờ Hà Nội Báo, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Tao Đàn, Thanh Nghị với sự tham gia của các tác giả như Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Phạm Huy Thông, Bích Khê, Nguyễn Tuân, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Sanh, v.v. Sự toàn thắng của phong trào thơ mới cũng là tiếng trống khai hoàn cho trào lưu văn học lãng mạn, chấm dứt hoàn toàn lối thơ văn cũ từ thời Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong trở về trước.

Văn chương lãng mạn đánh dấu một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam đã thay đổi hệ thống tư tưởng thời phong kiến bằng cách thay thế cái ta trong văn chương lịch triều sang cái tôi của văn học hiện đại. Cái tôi không còn là điều cần phải tranh né. Trước kia, cái tôi cá nhân không có địa vị trong văn học và xã hội. Cá nhân được sử dụng như một hình ảnh tượng trưng và bị hòa tan trong cái chung. Trong nền văn chương lịch triều tính cách phi ngã ngự trị hầu hết tác phẩm văn học Việt Nam. Ngay cả những nhà thơ lớn như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến cũng chỉ nói đến cái tôi một cách sơ sài, mờ nhạt, ước lệ

Chủ nghĩa lãng mạn thực sự đã thỏa mãn được nhu cầu tự do sáng tác và phát huy bản ngã của người làm văn học nghệ thuật. Sự xuất hiện cái tôi cá nhân như một bộ phận cho những sáng tác mới mẻ, vượt ra khỏi khuôn mẫu ước lệ cũ, cái tôi vượt lên trên và chứng tỏ với văn đàn mạnh mẽ và phóng khoáng. Nhờ thế, trong giai đoạn văn chương lãng mạn 1932-1945 với 13 năm ngắn ngủi, văn học Việt Nam đã sản xuất được nhiều phong cách cá nhân độc đáo. Về thi ca có Thế Lữ với hồn thơ rộng mở, Lưu Trọng Lư mơ màng, Huy Thông hùng tráng, Nguyễn Nhược Pháp trong sáng, Huy Cận ảo não, Nguyễn Bính quê mùa, Chế Lan Viên huyền bí, và một Xuân Diệu tha thiết, rạo rực, bản khoáng. Trong văn xuôi, cái tôi khinh bạc, giang hồ lãng tử thể hiện trong tập Tùy Bút của Nguyễn Tuân. Đòi hỏi giải phóng cá nhân ra khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến được phản ánh qua tác phẩm “Nửa Chừng Xuân” của Khái Hưng, “Đoạn Tuyệt”, “Lạnh Lùng”, “Đôi Bạn” của Nhất Linh, “Làm Lễ” của Mạnh Phú Tứ.

Ta có thể thấy được chủ nghĩa lãng mạn ảnh hưởng nhiều đến nỗi vượt ngoài ra cả văn học, nó còn ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt lúc đương thời. Một điều thú vị là ta có thể quan sát âm bản của cuộc cách mạng mà chủ nghĩa lãng mạn tạo ra qua cuốn tiểu thuyết hiện thực trào phúng “Số Đỏ” (1936) của Vũ Trọng Phụng. Ở cuốn tiểu thuyết này, chủ nghĩa lãng mạn trở thành một đối tượng chính của giễu nhại nhưng cũng qua đó, ta có thể thấy chủ nghĩa lãng mạn đã thấm thấu rất sâu vào nhiều phương diện, nhiều hoạt động của xã hội thị dân đầu thế kỷ XX. Lãng mạn trở thành một thứ phong cách sống, một thứ biểu hiện qua thơ ca, thời trang, chuyện tình ái, cách ăn nói phổ biến. Nó gắn với những ý niệm về “Âu hóa”, “văn minh”, “nữ quyền”...- những từ ngữ vốn lạ lẫm giờ tràn vào diễn ngôn đương thời, hàm ẩn bên trong nhiều sự đụng độ, va chạm, khiêu khích với những giá

trị truyền thống. Nói cách khác, “Số Đỏ” của Vũ Trọng Phụng, vô hình trung, đã cho thấy chủ nghĩa lãng mạn ở Việt Nam bao hàm bên trong mình rất nhiều thứ lịch sử nhỏ khác mà giới nghiên cứu chưa thật sự dành nhiều quan tâm để đọc chúng ra.

Chúng ta không thể nào phủ nhận được sự kiện văn chương Việt Nam giai đoạn 1932-1945 chịu ảnh hưởng nặng nề văn chương thế kỷ thứ 19 của Pháp, nhưng thơ văn Việt đã không có tính cách ngoại lai, vẫn mang bản sắc riêng chứa đựng hồn Việt. Tuy nhiên, vì tiếp thu quá nhanh trong khoảng thời gian quá ngắn nên trào lưu lãng mạn văn học Việt Nam thiếu bề sâu và dễ chuyển biến.

Trên bình diện tư tưởng, sáng tác trong thời gian đầu của trào lưu văn chương lãng mạn đã đáp ứng được khát vọng đương thời về nhu cầu giải phóng tư tưởng, giải phóng cá nhân. Tuy nhiên, vào cuối trào lưu một số tác gia đã rơi vào chủ nghĩa cá nhân cực đoan ca ngợi tình yêu xác thịt, đề cao khoái lạc, triết lý sức mạnh nông nổi, trụy lạc và trác táng, điển hình là tác phẩm “Thanh Đức” của Khái Hưng, “Trường Đời”, “Tôi Thầu Khoán” của Lê Văn Trương, “Tàn Đèn Dầu Lọc” của Nguyễn Tuân, “Thơ Say”, “Mây” của Vũ Hoàng Chương

Với những thành tựu văn học to lớn của thời kỳ 1932-1945, Tự Lực Văn Đoàn và những người làm văn học nghệ thuật cùng thời đã tạo được trào lưu văn chương lãng mạn có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam. Việc thay đổi quan niệm phong kiến cũ, điển hình là mối quan hệ giữa cá nhân và đại gia đình, đã hẳn là một thành công về phương diện xã hội, nhưng đối với lịch sử văn học Việt Nam thì trào lưu văn chương lãng mạn đã có công đem lại sự thay đổi bộ mặt của các thể loại văn học, làm cho ngôn ngữ Việt gọn gàng, trong sáng và phong phú hơn.

## **5.2. Ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn đối với Việt Nam**

Như đã nói ở phần trên, chủ nghĩa lãng mạn bắt đầu từ Anh, Đức rồi lan sang Pháp và những nước khác trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Chủ nghĩa lãng mạn ảnh hưởng đến nhiều tác giả của Việt Nam, dẫn đến trong các tác phẩm của mình, nhà văn tiếp thu ảnh hưởng rất nhiều. Điều đó thể hiện trên các phương diện: nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

### **5.2.1 Nội dung tác phẩm**

Thể hiện qua chủ đề, tư tưởng... tác phẩm

Trong các tác phẩm của mình, tác giả đề cao cái tôi cá nhân, tự do sáng tạo, đề cao sự mộng tưởng, chủ trương phóng túng, không để tâm hồn bị ràng buộc trong khuôn khổ cũ. Các tác phẩm chủ yếu nói về đề tài tình yêu, sự tự do, sự cô đơn...

Ví dụ: Tác phẩm “Hồn bướm mơ tiên” của Khái Hưng (1933) đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của tiểu thuyết phương Tây. Về chủ đề “Hồn bướm mơ tiên” gần với chủ đề lãng mạn trong “Atala” (1801) của Chateaubriand và Jocelyn (1836) của Lamartine. Mỗi tình đầy lãng mạn song cũng nhiều bi kịch của nhân vật Lan và Ngọc (Hồn bướm mơ tiên) có phần giống với câu chuyện tình giữa Atala và Chactas (Atala). Nếu Atala từ chối tình yêu của Chactas để giữ vững lời nguyện tôn thờ “Đức Mẹ Đồng trinh”, thì Lan chối từ tình yêu với Ngọc (mặc dù hai người rất yêu nhau) chỉ vì làm theo một lời nguyện của bà mẹ trước giờ phút hấp hối.

Viết về đề tài tình yêu của những cặp trai gái có cảnh ngộ éo le, Nhất Linh và Khái Hưng chịu ảnh hưởng rất lớn của A. Gide. “Bản giao hưởng đồng quê” của A. Gide đã miêu tả tình yêu của một giáo sĩ với một cô gái mù xinh đẹp thì ở “Gánh hàng hoa”, Khái Hưng và Nhất Linh đã xây dựng mối tình lãng mạn giữa cô gái bán hoa với một văn sĩ mù. Tác phẩm “Nắng thu” - Nhất Linh lại đưa người đọc đến với tình yêu của một cậu học sinh trung học với một cô gái câm mồ côi.

Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã tiếp thu và chịu ảnh hưởng của các nhà thơ lãng mạn Pháp như Chateaubriand, Lamartine, Musset, Hugo, Baudelaire... Một số bài thơ như: “Đầy thôn Vĩ Dạ” - Hàn Mặc Tử, “Tràng giang” – Huy Cận, “Vội vàng” – Xuân Diệu, “Nhớ rừng” – Thế Lữ...

### 5.2.2. Hình thức nghệ thuật

Thể hiện qua thể loại, ngôn ngữ, hình tượng nhân vật... tác phẩm

Các tác phẩm chủ yếu theo thể loại thơ, văn xuôi; ngôn ngữ giàu hình tượng, sức tạo tình cao; nhân vật thuộc mọi tầng lớp xã hội...

Thơ ca trong giai đoạn này phải kể đến một số tác giả tiêu biểu như: Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Thế Lữ...

Văn xuôi có các tác giả tiêu biểu như: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam...

Ví dụ: Lời thơ nhẹ nhàng mà sâu sắc, hình ảnh có sức tạo hình cao, sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật... đã tạo nên một bài thơ hay, đưa tên tuổi của Xuân Diệu xứng đáng với danh hiệu “Ông hoàng thơ tình yêu”:

*“ Của ong bướm này đây tuần tháng mật  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì  
Này đây lá của cành tơ phơ phất  
Của yến anh này đây khúc tình si  
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi  
Mỗi buổi sáng thần vui hằng gõ cửa  
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần  
Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nửa  
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”...*  
(Vội vàng – Xuân Diệu)

Hay những hình ảnh đơn độc, giàu chất tạo hình trong “Tràng giang” – Huy Cận đã nói lên được tâm trạng của nhà thơ lúc bấy giờ khi đứng trước cảnh sông nước mênh mông:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song,  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu”...*

Nếu như trước đây, nhân vật trong các tác phẩm văn học phải là những anh hùng, người có công với đất nước, những người có tầm ảnh hưởng lớn đối với xã hội... thì đến giai đoạn này, nhân vật trong các tác phẩm văn học là những con người hết sức bình thường, thuộc mọi tầng lớp xã hội. Ví dụ như trong “Gánh hàng hoa” – Nhất Linh và Khái Hưng, nhân

vật trung tâm là Liên – là một cô gái thôn quê chân chất, thật thà, luôn yêu thương chồng hết mực.

### **Tổng kết:**

Có thể nói chủ nghĩa lãng mạn ra đời như một bước chuyển mình quan trọng và để lại dấu ấn đặc sắc trong văn học lịch sử thế giới. Bên cạnh đó, với những đặc điểm về nội dung lẫn nghệ thuật của riêng mình, chủ nghĩa lãng mạn đã đánh dấu sự ra đời của một tư tưởng mỹ học mới. Văn học lãng mạn là sự phản ứng lại tính công thức, khuôn phép, nặng nề về lý trí của các thời đại văn học trước để hướng về thể hiện đời sống tâm hồn cá nhân, đậm chất trữ tình. Cùng với những đặc trưng của mình, văn học lãng mạn đã vượt xa sức ảnh hưởng của mình không những ở nơi bắt đầu của nó, mà còn tới những nền văn học của các nước trên thế giới, điển hình là văn học Việt Nam. Về sau này, văn học dần xuất hiện những các trào lưu, chủ nghĩa văn học khác với những bút pháp, đặc sắc nghệ thuật mới, nhưng có thể nói, lãng mạn vẫn giữ một vị trí không thể thay thế và quan trọng nhất định trên văn đàn. Đó cũng có thể gọi là lưu giữ những dòng tâm tưởng, những vẻ đẹp của tâm hồn.

### **Tư Liệu Tham Khảo:**

1. <http://www.reds.vn/index.php/nghe-thuat/van-hoc/1423-chu-nghia-lang-man-trong-van-hoc>
2. <http://www.tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c212/n5600/Nhung-anh-huong-cua-van-oc-phuong-Tay-doi-voi-van-hoc-Viet-Nam-hien-dai.html>
3. <http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=16706>

4. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức: Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
5. Hoài Thanh- Hoài Chân: Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, Hà Nội, 1988.
6. Lê Hồng Sâm, Đặng Thị Hạnh, Văn học lãng mạn và văn học hiện thực phương Tây, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1985
7. Minh Chính, Văn học Phương Tây giản yếu, NXB Đại học Quốc gia, 2002.
8. Nguyễn Hải Hà, Đỗ Xuân Hà, Nguyễn Ngọc Ánh, Từ Đức Trịnh, Nguyễn Văn Giai, Lịch sử văn học Nga thế kỷ XIX, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.
9. Nguyễn Huệ Chi-Trần Hữu Tá, Từ Điển Văn Học (bộ mới), Nxb Thế Giới, 2005.
10. Nguyễn Như Ý, Đại từ điển Tiếng Việt, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1999
11. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương: Lý luận văn học – Vấn đề và suy nghĩ, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
12. Nhiều tác giả, Lịch sử văn học phương Tây 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
13. Phùng Văn Tửu, Victor Hugo, NXB Giáo dục, 1987.
14. PGS.TS Trần Thị Phương Phương: Thơ ca Nga, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2010.
15. PGS.TS Trần Thị Phương Phương, Tiểu thuyết hiện thực Nga thế kỷ XIX, NXB Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh, 2009.
16. Tạp chí Văn số 37 ngày 1.7.1965.
17. Vũ Văn Sỹ, Mạch thơ trong nguồn thế kỷ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005